CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/Interbos/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần Thực Phẩm & Đồ Uống Quốc Tế.

Địa chỉ: Cụm công nghiệp sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Điện Thoại: 02321 3727 552 Fax: 02321 3727 558

Email:

Mã số doanh nghiệp: 0900276586 – đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 18/03/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

Số giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP: 001437/2016/ATTP - CNĐK, cấp ngày 28/11/2016 bởi Cục An toàn thực phẩm - Bộ y tế.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Váng sữa hương hạt dẻ Höff.
2. Thành phần: Nước, sữa bột, kem sữa, đường, chất béo thực vật, chất ổn định (1442, 471, 407), canxi phosphate, hương tổng hợp dùng cho thực phẩm, bột ca cao, màu tự nhiên (120, 160a(ii)).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 10 tháng.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 220 g (4 hộp x 55 g).
- Chất liệu bao bì: Nhựa HIPS đảm bảo đạt yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

- Đính kèm bản Tự công bố này:

+ Mẫu nhãn sản phẩm nội dung Tiếng Việt + Tiếng Anh (dành cho thị trường nội địa).

+ Mẫu nhãn trong và body pack của sản phẩm, chỉ gồm nội dung Tiếng Anh (dành cho thị trường xuất khẩu).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2010.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ban hành ngày 02/02/2018, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ban hành ngày 19/12/2007, Quyết định về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm".
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 5-4: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm chất béo từ sữa.
- Và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan…

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 17 tháng 01 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

M.S.D.N:0900276586-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỰC PHẨM
VÀ ĐỒ UỐNG
QUỐC TẾ
H.VĂN GIANG-T.HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Chinh

BẢN SAO

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu	**743-2018-00081704**
Mã số kết quả	**AR-18-VD-088710-01-VI / EUVNHC-00055055-1545792172**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ
Cụm Công Nghiệp Sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang
Tỉnh Hưng Yên
Việt Nam

Tên mẫu:	Váng sữa hương hạt dẻ Höff
Tình trạng mẫu:	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	16/11/2018
Thời gian thử nghiệm:	17/11/2018 - 24/11/2018
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:	22/11/2018
Mã số PO của khách hàng :	SWL2181116153

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD353 VD (a)(f) Escherichia coli	cfu/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD368 VD (a) Salmonella spp.	/25 g	TCVN 4829:2005 (ISO 6579:2002/Amd 1:2007)	Không phát hiện
3	VD389 VD (a)(f) Listeria monocytogenes	cfu/g	TCVN 7700-2:2007 (ISO 11290-2:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD129 VD Carbohydrates	g/100 g	AOAC 986.25 mod.	15,9
5	VD157 VD Xơ dinh dưỡng	g/100 g	AOAC 991.43	0,40
6	VD164 VD (a)(f) Béo	g/100 g	TCVN 7084:2010 (ISO 1736:2008)	9,92
7	VD262 VD (a)(f) Protein	g/100 g	TCVN 8099-1:2015 (ISO 8968-1:2014)	3,64
8	VD304 VD (a)(f) Đường tổng	g/100 g	TCVN 4594:1988 (ST SEV 3450:1981)	12,0
9	VD543 VD Năng lượng	kcal/100 g	FAO 2013 77	167
10	VD652 VD Acid béo dạng trans	g/100 g	EN ISO 15304	Không phát hiện (LOD=0.005)
11	VD563 VD (a) Vitamin D (dạng D3)	µg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-143) (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.2)
12	VD03C VD (a) Sucrose	g/100 g	Anal. Chem. Acta (2013) 787 87-92	7,73
13	VD03E VD (a) Fructose	g/100 g	Anal. Chem. Acta (2013) 787 87-92	0,03

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
14	VD210 VD (a)(f) Độ ẩm	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-048)	69,6
15	VD242 VD (a) pH		TCVN 7806:2007 (ISO 1842:1991)	6,74
16	VD297 VD (a)(f) Tro tổng	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-049) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	0,96
17	VD864 VD (a) Cholesterol	mg/100 g	AOAC 994.10 mod	4,4
18	VD126 VD (a)(f) Canxi (Ca)	mg/100 g	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007)	205
19	VD255 VD (a) Kali (K)	mg/100 g	AOAC 969.23	155
20	VD277 VD (f) Natri (Na)	mg/100 g	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007)	53,1
21	VD890 VD (a) Sắt (Fe)	mg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-243) (Ref. AOAC 2015.01)	Phát hiện vết (<0,1)
22	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.02)
23	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/kg	ISO 14501:2007 mod	Không phát hiện (LOD=0.01)
24	VD572 VD Aldrin	mg/kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)
25	VD572 VD Cyfluthrin	mg/kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.01)
26	VD572 VD DDT	mg/kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.005)
27	VD572 VD Dieldrin	mg/kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.002)
28	VD572 VD Endosulfan	mg/kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.003)
29	VD020 VD Melamin	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-0124) (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.05)
30	VD559 VD Benzylpeniciline	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=3)
31	VD559 VD Chlortetracycline	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=100)
32	VD559 VD Dihydrostreptomycin	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=70)
33	VD559 VD Gentamicin	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=20)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
34	VD559 VD Oxytetracycline	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=100)
35	VD559 VD Procain Benzylpeniciline	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=3)
36	VD559 VD Spiramycin	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=200)
37	VD559 VD Streptomycin	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=70)
38	VD559 VD Tetracycline	µg/kg	TCVN 8106 : 2009 (ISO/TS 26844 : 2006	Không phát hiện (LOD=100)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 989 Quyển số 1 SCT/BS
Ngày 2 tháng 1 năm 2019
TM. UBND XÃ LIÊN NGHĨA

M.S.D.N: 0311526885-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EUROFINS SẮC KỲ HẢI ĐĂNG
QUẬN 9 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Phương Phi
Giám Đốc Sản Xuất

PHÓ CHỦ TỊCH
Lương Đình Hou

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Phương Phi 26/12/2018

Ghi chú giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực.Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KỲ HẢI ĐĂNG. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2005 VILAS 238. (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo VFA-Chỉ Định An Toàn Thực Phẩm

eurofins | Sac Ky Hai Dang

VILAS 238 VIMCERTS 020

BẢN SAO

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu	743-2018-00086324
Mã số kết quả	AR-18-VD-093309-01-VI / EUVNHC-00056434

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ
Cụm Công Nghiệp Sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang

Tỉnh Hưng Yên
Việt Nam

Tên mẫu:	Váng sữa hương hạt dẻ Höff
Tình trạng mẫu:	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	04/12/2018
Thời gian thử nghiệm:	04/12/2018 - 10/12/2018
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:	10/12/2018
Mã số PO của khách hàng :	SWL2181204020

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM		ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD0BN VD	Acid béo bão hòa	g/100 g	AOAC 996.06	4,72

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 1030 Quyển số 01 SCT/BS
Ngày 21 tháng 01 năm 2019
UBND XÃ LIÊN NGHĨA

Ký tên

Nguyễn Phương Phi
Giám Đốc Sản Xuất

PHÓ CHỦ TỊCH
Lương Đình Hoa

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Phương Phi 26/12/2018

Ghi chú giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.

Các phép thử được mã hóa với hai ký tự VD được thực hiện bởi phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG.

M.S.D.N:0900276586-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ
H.VĂN GIANG-T.HƯNG YÊN

KHÔNG/NO
✓ Chất bảo quản/ preservative

Höff

Váng sữa

Pudding Snacks

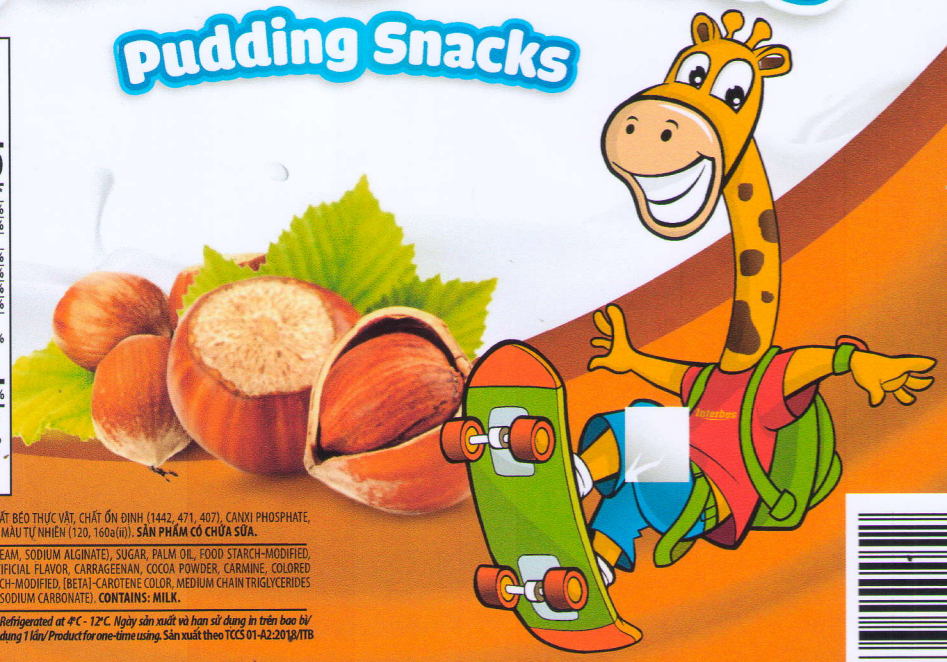

THÔNG TIN DINH DƯỠNG
NUTRITION FACTS

Số khẩu phần/ví 4 / 4 servings per container
Khẩu phần cung cấp/1 hộp Pudding (55 g)
/ Serving size 1 Pudding cup (55 g)

Thông tin dinh dưỡng/hộp / Amount per serving	
Năng lượng / Calories	**90**
% Giá trị dinh dưỡng cần 1 ngày* / %Daily value*	
Chất béo / Total fat 6 g	**8%**
Chất béo bão hoà / Saturated Fat 2.8 g	**14%**
Chất béo trans / Trans Fat 0 g	
Cholesterol < 5 mg	**2%**
Natri / Sodium 25 mg	**1%**
Tổng Cacbon hydrate / Total Carbohydrate 8 g	**3%**
Chất xơ / Dietary Fiber <1 g	**1%**
Tổng đường / Total Sugars 7 g Trong đó, đường thêm vào 4 g Includes 4 g Added Sugars	**8%**
Chất đạm / Protein 2.0 g	
Canxi / Calcium 120 mg	**10%**

Vitamin D, Sắt, Kali có giá trị không đáng kể./ Not a significant source of vitamin D, iron or potassium.
* % giá trị hàng ngày cho biết giá trị dinh dưỡng trong 1 khẩu phần đóng góp vào chế độ ăn 2000 calo một ngày được khuyến nghị bởi tổ chức FDA, Hoa Kỳ.
* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.

THÀNH PHẦN: NƯỚC, SỮA BỘT, KEM SỮA, ĐƯỜNG, CHẤT BÉO THỰC VẬT, CHẤT ỔN ĐỊNH (1442, 471, 407), CANXI PHOSPHATE, HƯƠNG TỔNG HỢP DÙNG CHO THỰC PHẨM, BỘT CA CAO, MÀU TỰ NHIÊN (120, 160a(ii)). **SẢN PHẨM CÓ CHỨA SỮA.**

INGREDIENTS: WATER, SKIM MILK, CREAM (HEAVY CREAM, SODIUM ALGINATE), SUGAR, PALM OIL, FOOD STARCH-MODIFIED, MONO- AND DIGLYCERIDES, CALCIUM PHOSPHATE, ARTIFICIAL FLAVOR, CARRAGEENAN, COCOA POWDER, CARMINE, COLORED WITH PLANT CAROTENES (WATER, GLYCERIN, FOOD STARCH-MODIFIED, [BETA]-CAROTENE COLOR, MEDIUM CHAIN TRIGLYCERIDES (PALM OIL), DL-[ALPHA]-TOCOPHEROL, ASCORBIC ACID, SODIUM CARBONATE). **CONTAINS: MILK.**

Thực phẩm bổ sung. Bảo quản lạnh tại 4°C - 12°C/ Keep Refrigerated at 4°C - 12°C. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì/ Production date and Expiry date see on label. Sản phẩm sử dụng 1 lần/ Product for one-time using. **Sản xuất theo TCCS 01-A2:2018/TTB**

Interbos

Sản phẩm của: Công ty cổ phần thực phẩm và đồ uống Quốc tế. Địa chỉ: Cụm CN sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. **Product of: International Food and Beverage Jsc.** Add: Clean Industrial Zone, Tan Tien commune, Van Giang district, Hung Yen province, Vietnam. * Xuất xứ: Việt Nam. *Made in Vietnam.* **Hotline: 1800 599983 - Website: www.interbos.vn**

Khối lượng tịnh: 220 g (4 hộp x 55 g)
4 - 1.94 oz (55 g) pudding cups • NET WT 7.8 oz (220 g)

HƯƠNG HẠT DẺ
Hazelnut flavor

8 936076 550052

132mm

40mm

Website: www.interbos.vn

8 936076 550632

40mm

Pudding snacks
Hazelnut Cream
Artificially Flavored

Serving Suggestion

Interbos

M.S.D.N: 0900276586-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ
H. VĂN GIANG - T. HƯNG YÊN

Interbos

Gluten FREE

Pudding snacks

Hazelnut Cream
Artificially Flavored

132mm

Serving Suggestion

4 - 1.94 oz (55 g) pudding cups
Net Wt. 7.8 oz (220 g)

Interbos

Pudding snacks
Hazelnut Cream
Artificially Flavored

Serving Suggestion

40mm

Nutrition Facts

4 servings per container

Serving size 1 pudding cup (55 g)

Amount per serving	
Calories	**90**
	% Daily Value*
Total Fat 6g	**8%**
Saturated Fat 4g	**20%**
Trans Fat 0g	
Cholesterol 15mg	**5%**
Sodium 25mg	**1%**
Total Carbohydrate 8g	**3%**
Dietary Fiber <1g	**1%**
Total Sugars 7g	
Includes 4g Added Sugars	**8%**
Protein 2g	
Calcium 120mg	**10%**

Not a significant source of vitamin D, iron, or potassium.
* The % Daily Value tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.

INGREDIENTS: WATER, SKIM MILK, CREAM (HEAVY CREAM, SODIUM ALGINATE), SUGAR, PALM OIL, FOOD STARCH-MODIFIED, MONO- AND DIGLYCERIDES, CALCIUM PHOSPHATE, ARTIFICIAL FLAVOR, CARRAGEENAN, COCOA POWDER, CARAMEL COLORED WITH PLANT CAROTENES (WATER, GLYCERIN, FOOD STARCH-MODIFIED, DIETARY FIBER, SALT, COLOR, MEDIUM CHAIN TRIGLYCERIDES (PALM OIL), TOCOPHEROL, ASCORBIC ACID, SODIUM CARBONATE).
CONTAINS: MILK

MANUFACTURED BY:
INTERNATIONAL FOOD AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY, CLEANED INDUSTRIAL ZONE, TAN TIEN COMMUNE, VAN GIANG DISTRICT, HUNG YEN 160000, VIETNAM
MADE IN VIETNAM

Keep refrigerated for quality at 39°F-53°F. Production date and expiry date see on label. Product for one-time use.

80mm

M.S.D.N:0900276586-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỰC PHẨM
VÀ ĐỒ UỐNG
QUỐC TẾ
H.VĂN GIANG-T.HƯNG YÊN

This Unit Not Labeled for Individual Retail Sale

Interbos

Pudding snacks

Gluten Free

NET WT 1.94 OZ (55g)

This Unit Not Labeled for Individual Retail Sale

Interbos

Pudding snacks

Gluten Free

NET WT 1.94 OZ (55g)

This Unit Not Labeled for Individual Retail Sale

Interbos

Pudding snacks

Gluten Free

NET WT 1.94 OZ (55g)

This Unit Not Labeled for Individual Retail Sale

Interbos

Pudding snacks

Gluten Free

NET WT 1.94 OZ (55g)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0900276586

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 11 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 18 tháng 03 năm 2016

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INTERNATIONAL FOOD AND BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: INTERBOS.,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Cụm Công nghiệp sạch, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: *0913218188 - 0321.3727552/0321.3727553* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 15.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN TUẤN KHẢI Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: *21/06/1940* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *010255743*

Ngày cấp: *20/03/2008* Nơi cấp: *Công an TP Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2A Đại Cổ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 2A Đại Cổ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

UBND XÃ MAI LÂM
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 18 -04- 2017
Số chứng thực: 2991 Quyển số: 02 SCT/BS

TRƯỞNG PHÒNG

TM. UBND XÃ MAI LÂM
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
TỈNH HƯNG YÊN

Nguyễn Ngọc Lâm

Doãn Thị Tâm

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

****

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

Certificate of Food Safety Conditions

CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM - BỘ Y TẾ

Vietnam Food Administration - MOH

CHỨNG NHẬN

Certifies

TÊN CƠ SỞ *(Name)*: Công ty cổ phần thực phẩm và đồ uống quốc tế

CHỦ CƠ SỞ *(Owner)*: Nguyễn Thành Chinh

ĐỊA CHỈ *(Address)*: Cụm ông nghiệp sạch - Xã Tân Tiến - Huyện Văn Giang - Hưng Yên

ĐIỆN THOẠI *(Tel)*: 03213727552 FAX: 03213727558

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH:

Conforms to food safety regulations

Sản xuất và kinh doanh thực phẩm, bao bì dụng cụ trực tiếp tiếp xúc thực phẩm.

...ỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH...

Số chứng thực 3560 Quyển số 01 SCT/BS

Ngày: 30-11-2018

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2016
(Day) (Month) (Year)

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
(Ký tên & đóng dấu - Sign and seal)

T/M UBND XÃ TÂN TIẾN

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thưởng

Nguyễn Hùng Long

Số cấp: 001437...../2016.../ATTP-CNDK
(Reg.No.)
Có hiệu lực (Valid until)
đến ngày 28 tháng 11 năm 2019
(Day) (Month) (Year)